

**TÒA ÁN NHÂN DÂN**  
**HUYỆN KHOÁI CHÂU**  
**TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc.**

Bản án số: 48/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 19/8/2021

*“V/v: Hôn nhân và gia đình”*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN**

**I. Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- 1. Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Phạm Văn H.
- 2. Các Hội thẩm nhân dân:**

2.1. Bà Lê Thị O;

2.2. Ông Lê Quang T.

**II. Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh L- Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

**II. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên:** Bà Lê Thị C- Kiểm sát viên.

Ngày 19/8/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 139/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2021 về việc “Hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 44/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 21/7/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2021/QĐST-HNGĐ ngày 04/8/2021, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Cao C, sinh năm 1979, vắng mặt.

Quê quán: Xã H T, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

Địa chỉ hiện: Trung đoàn 326, Sư đoàn 361, Quân chủng PK-KQ; Đơn vị đóng quân: Xã D T, huyện Đ A, Tp. Hà Nội.

**2. Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị Thu P, sinh năm 1987, có mặt.

Trú tại: Thôn X Đ, Xã H T, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

### **3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Cháu Nguyễn Bảo M, sinh ngày 19/5/2015, *vắng mặt*;

3.2. Cháu Nguyễn Bảo C1, sinh ngày 23/10/2016, *vắng mặt*.

Đều trú tại: Thôn X Đ, Xã H T, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

Người giám hộ cho cháu M và cháu C1 là Anh Nguyễn Cao C và chị Nguyễn Thị Thu P (bố, mẹ đẻ của các cháu).

### **4. Người làm chứng:** Anh Nguyễn Trung K, sinh năm 1987, *vắng mặt*.

Trú tại: Thôn X Đ, Xã H T, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 14-4-2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Anh Nguyễn Cao C trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Thu P, sinh năm 1987 người quê ở thôn X Đ, Xã H T, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, hai bên có tiến hành làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại trụ sở UBND Xã H T, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 10/11/2013. Sau khi kết hôn chị P chuyển về gia đình nhà anh chung sống. Thời gian đầu hai bên chung sống hòa thuận bình thường được khoảng hơn 01 năm nhưng sau đó bắt đầu xảy ra bất đồng, mâu thuẫn và diễn ra trong suốt thời gian dài, hai bên chung sống không có sự hòa hợp, thường xuyên xảy ra bất đồng, căng thẳng, mặc dù đã được gia đình, người thân động viên nhiều nhưng vẫn không thể cải thiện được tình cảm. Khoảng 03 năm trở lại đây hai bên căng thẳng trầm trọng, mặc dù đã dùng mọi biện pháp và sự tác động của các bên nhưng vẫn không thể hàn gắn, níu kéo nên anh và chị P đã sống ly thân nhau khoảng hơn 02 năm nay, chị P chuyển về bên ngoại sinh sống và hai bên chỉ còn liên quan đến con cái. Bản thân anh cũng đã nói chuyện với chị P về việc hai bên giải quyết ly hôn từ khi anh chị sống ly thân. Sau đó để hai bên có thời gian suy xét cho đến nay nhưng vẫn không cải thiện được gì nên nay anh quyết định gửi đơn để giải quyết dứt điểm. Đồng thời anh đề nghị Tòa án sớm giải quyết cho để anh và chị P sớm ổn định cuộc sống, tập trung vào công việc. Ngoài ra anh xác định giữ nguyên quan điểm, không có ý kiến gì khác, do trong thời gian dịch bệnh đi lại khó khăn nên anh đã có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên đã thụ lý giải quyết vụ án và thông báo cho các bên đương sự đến giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải về các nội dung liên quan. Tuy nhiên chị P chỉ có mặt tại buổi làm việc, hòa giải vào

ngày 15/7/2021, còn lại chị đều vắng mặt. Quan điểm của chị P cho biết như sau: Về quan hệ hôn nhân, điều kiện kết hôn cũng thống nhất như anh C đã trình bày. Sau khi kết hôn hai bên chung sống tại địa phương Xã H T nhưng trong thời gian chung sống chị xác định chị không làm gì sai với chồng và gia đình nhà chồng nhưng từ tháng 5/2019 chị bị anh C đuổi ra khỏi nhà và cũng kể từ tháng 5/2019 chị chuyển ra ngoài, thuê nhà trọ sinh sống cho đến đầu năm 2021 chị về bên ngoại sinh sống. Chị và anh C sống ly thân nhau từ tháng 5/2019 cho đến nay, trong suốt thời gian hai bên sống ly thân nhau đến nay mỗi bên tự lo cuộc sống riêng và không ai còn quan tâm đến ai. Nay anh C làm đơn gửi tới các cấp có thẩm quyền và Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu để xin giải quyết ly hôn với chị, quan điểm của chị cũng nhất trí ly hôn với anh C vì xác định hai bên không thể hàn gắn, níu kéo. Sau đó tại buổi làm việc, hòa giải tiếp theo chị P vắng mặt không có lý do.

*Về con chung:* Anh C và chị P đều khẳng định vợ chồng có 02 con chung, cháu lớn tên là Nguyễn Bảo M, sinh ngày 19/5/2015; cháu nhỏ là Nguyễn Bảo C1, sinh ngày 23/10/2016. Hiện nay cháu M đang ở với anh C, còn cháu C1 đang sống cùng chị Phương. Ngoài ra hai bên không nhận con nuôi hay có con riêng nào khác, hiện chị P cũng không mang thai. Quan điểm của anh C xác định nếu ly hôn giữ nguyên như hiện tại, mỗi bên có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc một cháu. Theo đó anh nhận tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu M và để chị P tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu C1 cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung: Ai nuôi cháu nào thì có nghĩa vụ đối với cháu đó, không yêu cầu Tòa án đặt ra xem xét, giải quyết. Quan điểm của chị P xác định nếu anh chị ly hôn chị xin nhận được chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai cháu M và cháu C1 cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung: Chị không yêu cầu cấp dưỡng đối với hai cháu nên không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

*Về tài sản chung; Công nợ chung của vợ chồng; Đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình:* Anh C và chị P đều không yêu cầu Tòa án đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án này.

*Tại các tài liệu các bên đương sự cung cấp, cũng như nội dung xác minh của Tòa án tại chính quyền địa phương Xã H T, cùng lời khai của người làm chứng cho thấy:* Thống nhất như lời khai của anh C và chị Phương.

*Tại phiên tòa hôm nay:*

- Anh C vắng mặt và không có yêu cầu thay đổi, bổ sung gì khác chuyển Tòa án so với quan điểm đã trình bày trước đây.

- Chị P giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trước đây.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

1. Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn đã tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng Dân sự, vi phạm quy định tại khoản 16 Điều 70 BLTTDS.

2. Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 229 - BLTTDS năm 2015; Các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về quan hệ hôn nhân: Cần xử cho Anh Nguyễn Cao C được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thu P.

- Về con chung: Cần xử giao cháu Nguyễn Bảo M, sinh ngày 19/5/2015 cho anh C và giao cháu Nguyễn Bảo C1, sinh ngày 23/10/2016 cho chị P. anh, chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc kể từ ngày 19/8/2021 cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu đặt ra giải quyết. Sau khi ly hôn chị P và anh C đều có quyền thăm nom, giáo dục con chung không ai được cản trở theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung; Công nợ chung của vợ chồng; Đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của anh C và chị P đối với hai bên gia đình: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Áp dụng Điều 147 BLTTDS năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu nhận định:

#### ***[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án:***

Nguyên đơn khởi kiện xin giải quyết ly hôn và giải quyết về con chung do vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của BLTTDS 2015 xác định đây là vụ án về hôn nhân và gia đình trong đó tranh chấp về ly hôn, nuôi con. Bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú, trú tại thôn X Đ, Xã H T, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS năm 2015 thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm thuộc Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

***[2] Về thành phần người tham gia tố tụng:*** Thành phần người tham gia tố tụng (Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng) đều vắng

mặt tại phiên tòa nhưng nguyên đơn đã có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã có người đại diện, giám hộ; Người làm chứng đã có quan điểm đề nghị xin giải quyết, xét xử vắng mặt; Còn bị đơn có mặt tại phiên tòa nên căn cứ vào Điều 228, Điều 229 của BLTTDS 2015 vụ án được đưa ra xét xử đảm bảo quy định của pháp luật.

### **[3] Về nội dung:**

**[3.1] Về quan hệ hôn nhân:** Qua tài liệu các bên cung cấp, Tòa án thu thập xác minh cho thấy việc Anh Nguyễn Cao C và chị Nguyễn Thị Thu P kết hôn với nhau là tự nguyện, tự do tìm hiểu và có tiến hành làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND Xã H T, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 10/11/2013 (theo số: 67; Quyền số: 01/2013). Do vậy quan hệ hôn nhân của anh C và chị P là hợp pháp, đã được pháp luật công nhận. Trong thời gian hai bên chung sống xảy ra nhiều bất đồng, mâu thuẫn dẫn tới hai bên sống ly thân nhau trong thời gian dài, mỗi người tự lo cuộc sống riêng, không còn mối quan hệ tình cảm. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án cũng đã hòa giải nhưng anh C vẫn cương quyết giữ quan điểm xin ly hôn, còn chị P cũng xác định quan hệ hôn nhân không thể hàn gắn, níu kéo nên chị cũng nhất trí ly hôn. Do đó, cần xử cho Anh Nguyễn Cao C được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thu P.

**[3.2] Về con chung:** Anh C và chị P đều khẳng định vợ chồng có 02 con chung, cháu lớn tên là Nguyễn Bảo M, sinh ngày 19/5/2015; cháu nhỏ là Nguyễn Bảo C1, sinh ngày 23/10/2016. Hiện nay cháu M đang ở với anh C, còn cháu C1 đang sống cùng chị Phương.

- Về nuôi con chung: Quan điểm của anh C xác định nếu ly hôn giữ nguyên như hiện tại, mỗi bên có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc một cháu. Theo đó anh nhận tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu M và để chị P tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu C1 cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Quan điểm của chị P xác định nếu anh chị ly hôn chị xin nhận được chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai cháu M và cháu C1 cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Xét thấy nguyện vọng của các bên đều là chính đáng, tuy nhiên xét điều kiện, hoàn cảnh thực tế do hiện cháu M đang sống cùng anh C và cháu C1 đang sống cùng chị Phương. Điều kiện hiện tại của hai bên đều đảm bảo để nuôi dưỡng, chăm sóc cho các cháu. Vì vậy cần xử giao cháu Nguyễn Bảo M, sinh ngày 19/5/2015 cho anh C và giao cháu Nguyễn Bảo C1, sinh ngày 23/10/2016 cho chị P để anh, chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc kể từ ngày 19/8/2021 cho đến khi hai cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

- Việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung: Anh C và chị P đều không yêu cầu Tòa án đặt ra xem xét giải quyết nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

- Sau khi ly hôn chị P và anh C đều có quyền thăm nom, giáo dục con chung không ai được cản trở theo quy định của các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

**[3.3] Về tài sản chung; Công nợ chung của vợ chồng; Đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình:** Anh C và chị P đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Sau nếu có tranh chấp, yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ, việc dân sự khác.

**[4] Về án phí:** Anh C phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**[5] Về quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Điều luật áp dụng:** Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 229 - BLTTDS năm 2015; Các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27- Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**2. Về hôn nhân:** Xử cho Anh Nguyễn Cao C được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thu P.

**3. Về nuôi con chung:** Xử giao cháu Nguyễn Bảo M, sinh ngày 19/5/2015 cho anh C và giao cháu Nguyễn Bảo C1, sinh ngày 23/10/2016 cho chị P để anh, chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc kể từ ngày 19/8/2021 cho đến khi hai cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu đặt ra giải quyết.

Sau khi ly hôn chị P và anh C đều có quyền thăm nom, giáo dục con chung không ai được cản trở theo quy định của pháp luật.

**4. Về tài sản chung; Công nợ chung của vợ chồng; Đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình:** Không đặt ra giải quyết. Sau nếu có tranh chấp, yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ, việc dân sự khác.

**5. Về án phí:** Anh C phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn. Được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh C đã nộp theo Biên lai thu số 0002673 ngày 08/6/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Khoái Châu.

**6. Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn, đồng thời là người đại diện cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (vắng mặt tại phiên tòa) được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc ngày bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ. Bị đơn, đồng thời là người đại diện cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có

mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 19/8/2021.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND huyện Khoái Châu;
- Các đương sự;
- UBND Xã H T;
- Chi cục THADS huyện KC;
- Lưu: Hồ sơ, Vp.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Phạm Văn H**